

Số: /TB-VP

Hà Nội, ngày tháng 10 năm 2025

THÔNG BÁO

Về việc lựa chọn tổ chức đấu giá thanh lý tài sản, vật tư thu hồi sau phá dỡ công trình thuộc Dự án đầu tư, nâng cấp trụ sở Bộ Xây dựng tại số 37 Lê Đại Hành do Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành Bộ Xây dựng làm chủ đầu tư

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016 và Luật số 37/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ Quyết định số 171/QĐ-VP ngày 29/10/2025 của Văn phòng Bộ Xây dựng về việc phê duyệt giá khởi điểm thanh lý tài sản, vật tư thu hồi sau phá dỡ công trình thuộc Dự án đầu tư, nâng cấp trụ sở Bộ Xây dựng tại số 37 Lê Đại Hành do Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành Bộ Xây dựng làm chủ đầu tư;

Văn phòng Bộ Xây dựng thông báo công khai về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản theo quy định với các nội dung như sau:

1. Tên, địa chỉ tổ chức có tài sản đấu giá: Văn phòng Bộ Xây dựng, địa chỉ: 80 Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, TP Hà Nội

2. Tên tài sản đấu giá, giá khởi điểm: tài sản, vật tư, vật liệu thu hồi sau phá dỡ công trình thuộc Dự án đầu tư, nâng cấp trụ sở Bộ Xây dựng tại số 37 Lê Đại Hành, Hà Nội.

Lý do thanh lý: tài sản, vật tư hỏng, không còn giá trị sử dụng

Giá khởi điểm: 46.688.000 đồng (bằng chữ: Bốn mươi sáu triệu, sáu trăm tám mươi tám nghìn đồng).

3. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá:

- Có cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá (có ảnh hiện trạng đính kèm hồ sơ đăng ký, có hợp đồng thuê nhà hoặc giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản, danh sách máy móc thiết bị đấu giá kèm theo ảnh).

- Có phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (trong phương án thể hiện được địa điểm bán hồ sơ; Điều kiện của khách hàng tham gia đấu giá; Có văn bản

báo cáo cập nhật hồ sơ tham gia đấu giá thường xuyên; Địa điểm tổ chức đấu giá tại nơi có tài sản đưa ra đấu giá; Phương án bảo mật thông tin đấu giá; Phương án bảo đảm an toàn trong cuộc đấu giá, bảo vệ vòng trong, vòng ngoài của phiên đấu giá).

- Có năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản (*ưu tiên tổ chức đấu giá đã thực hiện đấu giá tài sản thành lý trên phạm vi cả nước, có Hợp đồng đấu giá bản công chứng kèm theo hồ sơ đăng ký*).

- Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp (*mức phí đấu giá đã bao gồm tiền đăng thông tin đấu giá trên trang thông tin điện tử của Bộ Tư pháp và Bộ Tài Chính, tiền đăng báo, tiền trang trí hội trường phiên đấu giá, các chi phí in ấn hồ sơ, tài liệu, chi phí tổ chức bán hồ sơ, đi lại và lưu trú ...*).

- Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố.

- Có bảng tự chấm điểm các tiêu chí đấu giá do Bộ Tư pháp quy định.

- Tiêu chí do người có tài sản quy định: đã tổ chức đấu giá thành công tài sản, vật tư... trong hệ thống các đơn vị trực thuộc Bộ Xây dựng.

- Các tiêu chí phù hợp khác theo Phụ lục 01, Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15.

(Bảng tiêu chí đánh giá kèm theo)

4. Hồ sơ gồm có:

- Hồ sơ pháp lý doanh nghiệp (*Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, mẫu con dấu, mã số thuế doanh nghiệp, thẻ đấu giá viên yêu cầu bản sao công chứng, chứng thực yêu cầu không quá 06 tháng tính đến ngày nhận hồ sơ*).

- Bản mô tả năng lực kinh nghiệm.

- Thư chào giá dịch vụ đấu giá (*đã bao gồm chi phí đăng thông tin quảng cáo, chi phí tổ chức cuộc đấu giá*).

- Danh sách các Doanh nghiệp đủ điều kiện đấu giá năm 2025.

6. Thời gian, địa chỉ nộp hồ sơ.

- Thời gian nhận hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá: 03 ngày làm việc kể từ ngày thông báo công khai theo quy định (nộp hồ sơ trong giờ hành chính).

- Địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá: Văn phòng Bộ Xây dựng, số 37 Lê Đại Hành, phường Hai Bà Trưng, TP Hà Nội (*phòng 166 tầng 1 nhà B, số điện thoại: 0243.9760271-máy lẻ 166*)

- Lưu ý: Hồ sơ nộp trực tiếp, người đến nộp hồ sơ phải mang theo giấy giới thiệu và giấy tờ tùy thân để nộp hồ sơ.

Văn phòng Bộ Xây dựng sẽ có văn bản thông báo cho tổ chức đấu giá tài sản được lựa chọn, những tổ chức đấu giá tài sản không được thông báo được hiểu là không được lựa chọn và không hoàn trả hồ sơ.

Văn phòng Bộ Xây dựng thông báo để các tổ chức đấu giá tài sản được biết đăng ký tham gia theo đúng quy định ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thứ trưởng Nguyễn Văn Sinh (để b/c);
- Chánh Văn phòng Bộ (để b/c);
- Ban QLDAĐTXD chuyên ngành BXD (để ph/hợp);
- Trung tâm CNTT BXD (để ph/hợp đăng tải thông tin trên website: moc.gov.vn);
- Phòng QTPB; KHTC (để th/hiện);
- Lưu VT, QTPB.

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**

Trần Thị Út

BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM
TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN
(Kèm Theo Thông báo số: /TB-VP ngày tháng 10 năm 2025
của Văn phòng Bộ Xây dựng)

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1.	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện
2.	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện
II	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	19,0
1.	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	10,0
1.1	Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc	5,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện	5,0
2.	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	5,0
2.1	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	2,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	3,0
3.	Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng Thông tin điện tử của Sở Tư pháp	2,0
4.	Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến	1,0
5.	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0
III	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	16,0
1.	Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0
1.1	Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
1.2	Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
2.	Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)	4,0
3.	Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá	4,0
3.1	Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật	2,0

3.2	Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá	2,0
4.	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, dìm giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá	4,0
IV	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	57,0
1.	Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	15,0
1.1	Dưới 20 cuộc đấu giá	12,0
1.2	Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá	13,0
1.3	Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá	14,0
1.4	Từ 70 cuộc đấu giá trở lên	15,0
2.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
2.1	Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)	4,0
2.2	Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành	5,0
2.3	Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành	6,0
2.4	Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên	7,0
3.	Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
3.1	Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)	4,0
3.2	Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc	5,0
3.3	Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc	6,0
3.4	Từ 50 cuộc trở lên	7,0
4.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm.	3,0
4.1	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm	3,0
4.2	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức: $Số\ điểm\ của\ B = (U \times 3) / Y$	
4.3	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: $Số\ điểm\ của\ C = (V \times 3) / Y$	

5.	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
5.1	Có thời gian hoạt động dưới 05 năm	4,0
5.2	Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm	5,0
5.3	Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm	6,0
5.4	Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên	7,0
6.	Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0
6.1	01 đấu giá viên	2,0
6.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	3,0
6.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	4,0
7.	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0
7.1	Dưới 05 năm	2,0
7.2	Từ 05 năm đến dưới 10 năm	3,0
7.3	Từ 10 năm trở lên	4,0
8.	Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5,0
8.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	3,0
8.2	Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	4,0
8.3	Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	5,0
9.	Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5,0
9.1	Dưới 50 triệu đồng	3,0
9.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	4,0
9.3	Từ 100 triệu đồng trở lên	5,0

V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định (Người có tài sản có thể chọn hoặc không chọn tiêu chí tại mục này để đánh giá chấm điểm. Trường hợp chọn tiêu chí tại mục này thì người có tài sản chọn một hoặc nhiều tiêu chí sau đây nhưng số điểm không được vượt quá mức tối đa của từng tiêu chí và tổng số điểm không được vượt quá mức tối đa của mục này)	3,0
1.	Đã tổ chức đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá - Tài sản cùng loại được phân theo cùng một điểm quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật đấu giá tài sản được sửa đổi bổ sung theo khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản - Người có tài sản đấu giá phải công khai các tiêu chí thành phần kèm theo số điểm đối với tiêu chí này (nếu có) - Đã ký hợp đồng và tổ chức đấu giá thành công tài sản của đơn vị	3,0
Tổng số điểm		95